TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 385/2020/DS-ST
Ngày: 28-9-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng;

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần QD

Trụ sở chính: 28C-28D phố A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Số 175 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn V – Theo văn bản ủy quyền số 322/2020/UQ-NCB ngày 03/8/2020 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 539/20B đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần QD và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Đinh Văn V đại diện nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn nên ngày 18/10/2017 ông Lê Văn T và Ngân hàng Thương mại cổ phần QD – Chi nhánh Sài Gòn (sau đây gọi là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 1426/17/HĐCV-9313 ngày 18/10/2017, vay số tiền là 234.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay là mua xe ô tô. Để đảm bảo cho khoản vay ông T đã thế chấp cho Ngân hàng xe ô tô tải do ông Lê Văn T là chủ sở hữu. Tài sản đảm bảo trên được ký kết theo hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Thành đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu chấm dứt trước hạn đối với Hợp đồng cho vay số 1426/17/HĐCV-9313 ngày 18/10/2017, buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2020 là 189.118.828 đồng, trong đó nợ gốc là 159.899.974 đồng, nợ lãi là 21.669.187 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.233.923 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.315.745 đồng.

Trường hợp ông Lê Văn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cưỡng chế, phát mãi tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu: JAC; BKS: 51D-187.09 theo Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo để thu hồi nợ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/9/2020 là 192.276.162 đồng (Trong đó nợ gốc là 159.899.974 đồng, lãi trong hạn là 23.535.337 đồng, tiền phạt chậm trả gốc là 7.295.698 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.545.153 đồng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án

căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ giữa hai bên xác lập là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng thẻ ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại hợp đồng nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1426/17/HĐCV-9313 ngày 18/10/2017, thì bị đơn đã vay của nguyên đơn cụ thể như sau: Số tiền vay: 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu) đồng, Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất trong hạn (lãi suất kỳ đầu tiên: 12.5%/năm, áp dụng 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất ký tiếp theo bằng (=) lãi suất cơ sở (+) biên độ 4.2 %/năm, lãi suất cơ sở được Ngân hàng quy định theo từng kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay: là mua xe ô tô với tài sản đảm bảo là: Xe ô tô tải, nhãn hiệu JAC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 315712 do Phòng CSGT Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2017 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017.

Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng tín dụng thì ông T phải trả nợ gốc cho Ngân hàng trong vòng 60 kỳ (1tháng/kỳ) bắt đầu thực hiện từ ngày 25/11/2017 đến ngày 18/10/2022, mỗi kỳ trả 3.900.000 đồng, thời hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo như cam kết. Từ ngày 18/10/2017 đến ngày 14/8/2020 ông T mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền gốc là 74.100.000 đồng và số tiền lãi là 39.720.540 đồng. Từ ngày 25/6/2019 ông T không thanh

toán bất kỳ một khoản nào, đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng. Do đó, căn cứ Điều 11 của hợp đồng "Theo đó bên A được quyền ngưng giải ngân hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ các khoản phải trả tùy theo quyết định của bên A trong trường hợp….Bên B vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng cho vay này". Do đó, Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại chưa trả là 159.899.974 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi suất, tiền phạt do chậm thanh toán:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện từ ngày 18/10/2017 cho đến ngày 18/01/2018 lãi suất áp dụng là 12.5%, từ ngày 25/01/2018 đến ngày 25/6/2019 lãi suất trong hạn là 12.20%, từ ngày 18/7/2019 đến nay là 13.20%/năm. Việc áp dụng lãi suất trên phù hợp với thỏa thuận lãi suất tại Điều 2 của Hợp đồng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Xét từ ngày 25/6/2019 ông T không thanh toán tiền lãi theo như thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi trong hạn còn lại chưa thanh toàn là 23.535.337 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Nhận thấy, từ ngày 25/6/2019 ông T không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Căn cứ quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 10 của Hợp đồng "Nếu bên B bị chuyển nợ quá hạn thì phải trả cho bên A lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng đối với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn); nếu bên B chậm trả lãi thì bên B phải trả cho bên A lãi chậm trả lãi với lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Do đó, ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 7.295.698 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.545.153 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Xe ôtô tải nhãn hiệu; JAC, số loại: HFC1030K4/KM1; Biển số : 51D – 187.09; Số khung: 42D4HB200539; Số máy: DA11H4016121 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 315712 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2017 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017. Xét nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định về thế chấp. Căn cứ Điều 12 của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017 và Điều 323 Bộ luật dân sự nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản trong trường hợp bị đơn không thanh toán là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Sau khi bị đơn thanh toán đầy đủ các khoản nợ trên, nguyên đơn phải làm thủ tục giải chấp, trả lại cho bị đơn toàn bộ hồ sơ giấy tờ thế chấp gồm: bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 315712 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2017 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực mà bị đơn chưa trả hết số nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để trả nợ cho nguyên đơn là: Xe ôtô tải nhãn hiệu; JAC, số loại: HFC1030K4/KM1; Biển số : 51D – 187.09; Số khung: 42D4HB200539; Số máy: DA11H4016121 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 315712 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2017 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 990/17/HĐTC-9313 ngày 18/10/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng tiền lãi đối với số tiền thực tế vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần QD.

Chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng cho vay số 1426/17HĐCV-9313 ngày 18/10/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần QD – Chi nhánh Sài Gòn và ông Lê Văn T.

Buộc ông Lê Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QD số tiền tổng cộng là 192.276.162 (Một trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi hai) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 159.899.974 (Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm bảy mươi bốn) đồng, nợ lãi trong hạn là 23.535.337 (Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, ba trăm ba mươi bảy) đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 7.295.698 (Bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm chín mươi tám) đồng và lãi chậm trả lãi là 1.545.153 (Một triệu, năm trăm bốn mươi

lăm ngàn, một trăm năm mươi ba) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng tiền lãi đối với số tiền thực tế vay theo mức lãi suất, mức phạt vi phạm được thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực mà bị đơn chưa trả hết số nợ nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là Xe ôtô tải nhãn hiệu; JAC, số loại: HFC1030K4/KM1; Biển số: 51D – 187.09; Số khung: 42D4HB200539; Số máy: DA11H4016121 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 315712 do Phòng CSGT Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2017 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 990/170HĐTC-9313 ngày 18/10/2017. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lê Văn T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần còn thiếu.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.613.808 (Chín triệu, sáu trăm mười ba ngàn, tám trăm lẻ tám) đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 4.280.306 đồng (Bốn triệu, hai trăm tám mươi ngàn, ba trăm lẻ sáu đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QD theo biên lai tiền số 0014641 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng